

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84.4) 3824 1990 / 1

Fax: (84.4) 3825 3973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2

Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776

Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84.33) 3627571

Fax: (84.33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
IMPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-35
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-35



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
Ông Lin Ching Tsan	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

1353 -
CÔNG TY
THÀNH HIỮ
CH VỤ TƯ
CHÍNH Y
VÀ KIẾ
HOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2010



Số: **775** /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 16 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		852.730.456.373	849.528.333.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		36.033.774.291	364.894.295.703
111	1. Tiền	3	36.033.774.291	364.894.295.703
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		335.219.309.114	194.555.882.918
131	1. Phải thu của khách hàng		330.903.685.335	138.554.009.403
132	2. Trả trước cho người bán		3.059.766.026	54.996.351.675
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.255.857.753	1.005.521.840
140	IV. Hàng tồn kho		444.160.995.291	241.335.833.569
141	1. Hàng tồn kho	5	444.160.995.291	241.335.833.569
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.316.377.677	48.742.321.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.324.158	6.442.097
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.380.254.630	5.485.552.593
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	4.752.440
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	18.878.798.889	43.245.574.058
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.050.855.391	279.462.355.039
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		41.456.700.000	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	7	41.456.700.000	-
220	II. Tài sản cố định		190.003.725.407	266.432.206.589
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	164.124.026.631	175.089.757.561
222	- Nguyên giá		234.116.091.926	235.559.053.738
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(69.992.065.295)	(60.469.296.177)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	17.305.153.322	17.491.182.122
228	- Nguyên giá		18.354.489.829	18.354.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.049.336.507)	(863.307.707)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.574.545.454	73.851.266.906
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	66.640.000.000	2.030.701.490
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		66.640.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	2.030.701.490
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.950.429.984	10.999.446.960
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.950.429.984	10.999.446.960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.160.781.311.764	1.128.990.688.417

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		668.221.463.316	628.228.901.571
310	I. Nợ ngắn hạn		645.229.434.580	562.874.986.823
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	562.751.110.530	458.955.841.766
312	2. Phải trả người bán		71.592.791.350	92.341.657.367
313	3. Người mua trả tiền trước		1.749.041.262	2.219.146.884
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.302.686.797	1.996.532.306
315	5. Phải trả người lao động		1.308.165.641	1.091.400.000
316	6. Chi phí phải trả		-	382.019.422
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	735.366.158	668.166.236
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.790.272.842	5.220.222.842
330	II. Nợ dài hạn		22.992.028.736	65.353.914.748
333	3. Phải trả dài hạn khác		2.500.000.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	20.159.271.409	65.088.810.334
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		332.757.327	265.104.414
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		491.888.554.351	489.153.191.986
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	491.888.554.351	489.153.191.986
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	65.269.904.788
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(3.508.514.890)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	51.153.413
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.684.617.444	7.684.617.444
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.717.308.722	3.717.308.722
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.678.806.132	39.941.622.509
439	C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ		671.294.097	11.608.594.860
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.160.781.311.764	1.128.990.688.417

0203
CÔNG
CHÍNH
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KI
TOÁN K

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		270.642,17	774.923,18



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

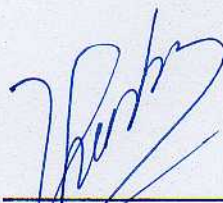
Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	971.344.298.681	439.764.674.067
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.043.472.526	3.815.697.278
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	970.300.826.155	435.948.976.789
11	4. Giá vốn hàng bán	21	911.201.281.309	393.850.754.273
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.099.544.846	42.098.222.516
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	13.374.251.978	4.054.247.531
22	7. Chi phí tài chính	23	29.980.694.340	11.872.494.945
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		29.958.200.032	11.826.556.000
24	8. Chi phí bán hàng	24	11.184.953.028	16.154.533.299
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.622.365.078	5.526.517.402
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		21.685.784.378	12.598.924.401
31	11. Thu nhập khác		2.402.365.797	616.682.873
32	12. Chi phí khác		2.282.517.610	214.247.760
40	13. Lợi nhuận khác		119.848.187	402.435.113
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.805.632.565	13.001.359.514
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.1	3.062.638.351	855.119.176
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.742.994.214	12.146.240.338
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.199.238	2.489.705
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		18.741.794.976	12.143.750.633
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		499	967


Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.805.632.565	13.001.359.514
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		10.182.039.333	9.129.289.532
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.907.745.743)	(84.320.187)
06	Chi phí lãi vay		29.958.200.032	11.826.556.675
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.038.126.187	33.872.885.534
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(243.989.437.391)	(34.605.353.998)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(202.825.161.722)	(2.315.842.139)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.694.053.377)	(23.380.893.207)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		998.134.915	(1.245.105.969)
13	Tiền lãi vay đã trả		(29.958.200.032)	(11.826.556.675)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.879.455.981)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		46.081.910.054	11.162.841.569
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.066.618.960)	(11.958.391.119)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(416.294.756.307)	(40.296.416.004)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.883.219.999)	(5.160.261.178)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.366.721.814	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.866.600.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.930.181.528	84.320.187
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.413.683.343	(11.942.540.991)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.508.514.890	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.508.514.890)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		801.635.389.828	423.757.624.854
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(697.865.588.766)	(329.293.269.420)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.257.764.400)	(7.152.082.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		85.020.551.552	83.803.757.744
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(328.860.521.412)	31.564.800.749

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		364.894.295.703	2.232.788.360
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		36.033.774.291	33.797.589.109



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010

31353-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TOÁN
T. H. H.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất tôn cán nguội, ống thép cỡ lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất thép chất lượng cao

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 kỳ 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 02 kỳ 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt trắng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;

- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán kỳ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng kỳ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

353
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ÓNG THÉP
VIỆT - ĐỨC
VĨNH PHÚC
VÀ
HỢP
TÁC
KINH
DOANH

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 kỳ.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm.
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 kỳ hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 kỳ hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc năm kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

0313
CÔNG TY
PHIẾM HỘ
CH VỤ TÀI
CHÍNH HỢP
NHẤT VÀ KIỂM
TOÁN KIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 kỳ đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 kỳ tiếp theo kể từ kỳ 2007;
- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu;
- Công ty được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 kỳ kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/5/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192210000014 ngày 23 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28/11/2008 thì Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được hưởng các ưu đãi sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15 % trong vòng 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50 % số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo.
- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;
- Được miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192032000038 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp ngày 09/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 19/08/2009 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được hưởng những ưu đãi sau:

- Đối với lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bu lông, ốc vít, các sản phẩm từ thép: thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong 10 (mười) năm và sau đó 25% (hai mươi lăm phần trăm) trong những năm tiếp theo;

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại các sản phẩm từ thép: thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án;
- Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa được nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 08 năm 2005 và Điều 16 Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**3 . TIỀN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	422.733.242	9.046.413.398
Tiền gửi ngân hàng	35.611.041.049	355.847.882.305
	<u>36.033.774.291</u>	<u>364.894.295.703</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	990.243.390	990.000.000
Phải thu khác	265.614.363	15.521.840
	<u>1.255.857.753</u>	<u>1.005.521.840</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	287.966.555
Nguyên liệu, vật liệu	132.784.296.627	92.840.282.584
Công cụ, dụng cụ	217.831.588	170.960.951
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.238.610.118	17.183.435.395
Thành phẩm	176.590.826.898	129.375.667.380
Hàng hoá	115.329.430.060	1.477.520.704
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>444.160.995.291</u>	<u>241.335.833.569</u>

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	16.586.030.089	505.079.059
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	187.649.680
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.292.768.800	42.552.845.319
	<u>18.878.798.889</u>	<u>43.245.574.058</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay (*)	41.456.700.000	-
	<u>41.456.700.000</u>	<u>-</u>

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01/12/2009, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay tổng số tiền là 110 tỷ đồng, thời hạn vay là 3 kỳ. Trong thời gian lắp đặt, xây dựng không tính lãi, khi vận hành chính thức tùy tình hình sẽ xác định mức lãi suất áp dụng theo mức lãi suất vay tại các Ngân hàng.

203/L
CÔNG TY
HỆM HỮU
VỤ TỰ V
NH KẾ T
KIỂM TOÁN
KIỂM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	66.732.147.950	159.228.070.175	9.147.070.591	451.765.022	-	235.559.053.738
Số tăng trong kỳ	1.308.674.545	-	-	-	-	1.308.674.545
- Mua sắm mới	1.308.674.545	-	-	-	-	1.308.674.545
Số giảm trong kỳ	-	(2.641.909.085)	-	(109.727.272)	-	(2.751.636.357)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.641.909.085)	-	(109.727.272)	-	(2.751.636.357)
Số dư cuối kỳ	68.040.822.495	156.586.161.090	9.147.070.591	342.037.750	-	234.116.091.926
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	12.443.399.006	44.154.056.930	3.572.263.069	299.577.172	-	60.469.296.177
Số tăng trong kỳ	1.599.045.144	7.835.812.845	527.591.436	33.561.108	-	9.996.010.533
- Trích khấu hao	1.599.045.144	7.835.812.845	527.591.436	33.561.108	-	9.996.010.533
Số giảm trong kỳ	-	(412.281.818)	-	(60.959.597)	-	(473.241.415)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(412.281.818)	-	(60.959.597)	-	(473.241.415)
Số dư cuối kỳ	14.042.444.150	51.577.587.957	4.099.854.505	272.178.683	-	69.992.065.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	54.288.748.944	115.074.013.245	5.574.807.522	152.187.850	-	175.089.757.561
Cuối kỳ	53.998.378.345	105.008.573.133	5.047.216.086	69.859.067	-	164.124.026.631

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>18.219.064.829</u>	<u>135.425.000</u>	<u>18.354.489.829</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	803.783.957	59.523.750	863.307.707
Số tăng trong kỳ	174.193.800	11.835.000	186.028.800
- Trích khấu hao	174.193.800	11.835.000	186.028.800
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>977.977.757</u>	<u>71.358.750</u>	<u>1.049.336.507</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	<u>17.415.280.872</u>	<u>75.901.250</u>	<u>17.491.182.122</u>
Cuối kỳ	<u>17.241.087.072</u>	<u>64.066.250</u>	<u>17.305.153.322</u>

Tại thời điểm 30/06/2010, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định vô hình (trừ giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại Khu biệt thự nhà vườn thuộc Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8.574.545.454	73.851.266.906
- Dự án Sản xuất thép chất lượng cao	-	73.851.266.906
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	-
	<u>8.574.545.454</u>	<u>73.851.266.906</u>

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	66.640.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	2.030.701.490
	<u>66.640.000.000</u>	<u>2.030.701.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2010 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Tỷ lệ thực góp (**)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	Tỉnh Vĩnh Phúc	49,00%	50,44%	Sản xuất thép chất lượng cao

(*) Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên Báo cáo tài chính riêng, với tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 72,59% và được hợp nhất vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty chỉ còn 49%, do đó khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính riêng và số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức không được hợp cộng trong Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 mà được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(**) Tỷ lệ vốn thực góp được xác định trên cơ sở số vốn đã góp của Công ty trên tổng số vốn đã góp của các bên được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tiếp nhận đầu tư.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	7.382.102.224	7.470.334.522
Chi phí trong giai đoạn đầu tư trước khi đi vào hoạt động	566.160.914	974.605.681
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.734.028.001	2.387.267.253
Chi phí trả trước dài hạn khác	268.138.845	167.239.504
	9.950.429.984	10.999.446.960

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	562.751.110.530	457.205.841.766
- Vay ngân hàng	562.751.110.530	457.205.841.766
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	1.750.000.000
	562.751.110.530	458.955.841.766



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	265.336.503.222	178.193.710.302
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	98.558.549.858	64.125.623.970
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	99.985.036.444	140.409.480.103
Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng Giao dịch Phúc Yên ⁽⁴⁾	87.200.000.000	38.330.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CH Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	8.373.277.670	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽⁶⁾	3.297.743.336	8.164.845.597
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại Hà Nội	-	27.982.181.794
	562.751.110.530	457.205.841.766

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐHM ngày 29/04/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 260 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 29/04/2010 đến 31/03/2011; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; đảm bảo bằng doanh thu bán hàng, các khoản thu nhập hợp pháp khác, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 226.689.168.945 đồng;

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐHM ngày 30/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 43 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 30/03/2010 đến 30/03/2011; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; đảm bảo bằng doanh thu bán hàng, các khoản thu nhập hợp pháp khác, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 38.647.334.277 đồng;

203
 CÔNG
 CH MIỆM
 DỊCH VỤ
 TÀI CHÍNH
 VÀ KI
 ĐÁN I

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số 08.14.0050/HĐTD ngày 29/04/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 30/04/2010; thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 9,7%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 70.558.549.858 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 09.14.0075/HĐTD ngày 06/11/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 50 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 06/11/2010; thời hạn cụ thể của mỗi lần giải ngân theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/kỳ và thay đổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp theo các hợp đồng thế chấp với tổng giá trị là 40 tỷ đồng.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 28.000.000.000 đồng;

(3) Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 2289/HĐHMTD/TCB.Vĩnh Phúc ngày 22/07/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 150 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng; thời hạn của mỗi khoản vay không quá 6 tháng và được quy định trong khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần giải ngân;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng hóa luân chuyển (nguyên vật liệu và thành phẩm ống thép).

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/10/TD/II.13 ngày 31/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho là nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 57.400.000.000 đồng;

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 26/09/TD/II.13 ngày 15/08/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 40 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho là nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2010 là 29.800.000.000 đồng;



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(5) Hợp đồng tín dụng số 0181009/HDDTD2-VIB ngày 30/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 5 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu.

(6) Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HD ngày 12/04/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ các tài sản là máy móc thiết bị thuộc dây chuyền đồng bộ trong sản xuất sản phẩm công nghiệp chính xác và phương tiện vận tải.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	97.029.542	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.125.323.895	1.942.141.525
Thuế Thu nhập cá nhân	80.333.360	54.390.781
	3.302.686.797	1.996.532.306

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	194.410.213
Kinh phí công đoàn	238.361.537	195.066.812
Bảo hiểm xã hội	22.660.333	112.957.611
Bảo hiểm y tế	5.239.748	-
Trợ cấp thất nghiệp	2.381.340	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu	466.723.200	164.661.600
Phải trả, phải nộp khác	-	1.070.000
	735.366.158	668.166.236

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	20.159.271.409	65.088.810.334
- Vay ngân hàng	20.159.271.409	65.088.810.334
	<u>20.159.271.409</u>	<u>65.088.810.334</u>

Chi tiết vay dài hạn

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (1)	20.159.271.409	20.159.271.409
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc	-	44.929.538.925
	<u>20.159.271.409</u>	<u>65.088.810.334</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn hạn mức số 01/2007 ngày 01/10/2007, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 40 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư dự án sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn;
- + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 72 tháng; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong hợp đồng;
- + Thời hạn rút vốn: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng một lần theo quy định của Ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản, số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh, các khoản phải thu theo hợp đồng mà bên vay là người thụ hưởng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	375.997.100.000	65.269.904.788	(3.508.514.890)	51.153.413	7.684.617.444	3.717.308.722	39.941.622.509	489.153.191.986
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	18.741.794.976	18.741.794.976
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.559.826.000)	(22.559.826.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	555.214.647	555.214.647
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu	-	2.540.817.265	3.508.514.890	-	-	-	-	6.049.332.155
Giảm khác	-	-	-	(51.153.413)	-	-	-	(51.153.413)
Số dư cuối kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	-	-	7.684.617.444	3.717.308.722	36.678.806.132	491.888.554.351

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của đối tượng khác	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%
	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	125.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	375.997.100.000	125.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	375.997.100.000	125.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.559.826.000	7.494.425.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	22.559.826.000	7.494.425.400

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	12.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	271.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	271.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	12.328.510
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	12.328.510
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.684.617.444	7.684.617.444
Quỹ dự phòng tài chính	3.717.308.722	3.717.308.722
	11.401.926.166	11.401.926.166

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	533.833.110.122	284.773.080.797
Doanh thu bán hàng hóa	437.498.294.559	154.991.593.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.894.000	-
	971.344.298.681	439.764.674.067



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	528.689.632	116.867.878
Giảm giá hàng bán	-	2.002.538.187
Hàng bán bị trả lại	514.782.894	1.696.291.213
	1.043.472.526	3.815.697.278

20 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	532.793.011.598	280.957.383.519
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	437.494.920.557	154.991.593.270
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	12.894.000	-
	970.300.826.155	435.948.976.789

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	490.293.865.314	248.125.341.779
Giá vốn của hàng hóa đã bán	420.907.415.995	145.725.412.494
	911.201.281.309	393.850.754.273

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.522.553.018	84.320.187
Lãi đầu tư cổ phiếu	341.928.510	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.700.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.304.236.004	3.326.982.029
Lãi bán hàng trả chậm	2.139.834.446	642.906.852
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	38.463
	13.374.251.978	4.054.247.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.958.200.032	11.826.556.000
Lỗ đầu tư cổ phiếu	22.435.785	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	40.975.266
Chi phí tài chính khác	58.523	4.963.679
	29.980.694.340	11.872.494.945

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	83.422.584	370.133.853
Chi phí nhân công	1.537.091.015	899.264.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	433.052.304	265.100.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.672.686.000	14.335.687.355
Chi phí khác bằng tiền	458.701.125	284.346.785
	11.184.953.028	16.154.533.299

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	571.328.659	396.152.512
Chi phí nhân công	2.782.129.016	1.771.167.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.001.469.688	1.146.077.963
Thuế, phí, lệ phí	533.922.302	451.785.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.425.852.633	988.652.479
Chi phí khác bằng tiền	1.307.662.780	772.681.292
	9.622.365.078	5.526.517.402

03136
CÔNG TY
CHẾM HỮU
HỮU TỬ
HÌNH KẾ
TÀI KIỂM T

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	3.062.638.351	1.222.530.192
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(367.411.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.062.638.351</u>	<u>855.119.176</u>

(*) Trong 6 tháng đầu kỳ 2010, Công ty đang trong giai đoạn ưu đãi đầu tư. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 kỳ đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 kỳ tiếp theo kể từ kỳ 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu. Do đó, thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng đối với lợi nhuận từ hoạt động thương mại là 25%; đối với lợi nhuận từ tiêu thụ trong nước thành phẩm sản xuất là 10% và đối với lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm sản xuất là 5% .

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 năm tiếp theo. Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2009, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất. Công ty có thu nhập chịu thuế kể từ năm 2008.

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18.741.794.976	12.143.750.633
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.741.794.976	12.143.750.633
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	37.523.389	12.561.599
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>499</u>	<u>967</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	532.805.905.598	437.494.920.557	970.300.826.155
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	15.826.218.320	5.859.566.058	21.685.784.378
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.308.674.545	-	1.308.674.545
Tài sản bộ phận	607.579.759.445	326.491.872.659	934.071.632.104
Tài sản không phân bổ	-	-	226.709.679.660
Tổng tài sản	1.308.674.545	326.491.872.659	1.160.781.311.764
Nợ phải trả của các bộ phận	528.444.520.721	130.307.693.830	658.752.214.551
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	9.469.248.765
Tổng nợ phải trả	528.444.520.721	130.307.693.830	668.221.463.316

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm hoạt động trong nước và hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, hoạt động trong nước chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	12.451.552.151	76.441.972.761
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	169.513.007.016	-
Mua hàng			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	103.396.669	5.381.161.444
Cho vay vốn			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	37.600.000.000	-
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.985.526.143	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
		VND	VND
Phải thu			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	3.797.155.362	30.654.130.568
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	185.651.664.216	-
Phải thu vốn cho vay			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	41.456.700.000	-
Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.926.931.357	-

(*) Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp.

03/03/3
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ VÀN
H KẾ TOÁN
M TỐN

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11, số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã hợp cộng cả số liệu của Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức, tuy nhiên số liệu cuối kỳ không bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần sản xuất thép Việt Đức do tại thời điểm 30/06/2010 khoản đầu tư này được phân loại là khoản đầu tư vào công ty liên kết, do đó không thể so sách số liệu đầu kỳ và cuối kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010.

Năm 2009, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nguồn kinh phí và quỹ khác". Trong kỳ, do sửa đổi chế độ kế toán, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nợ ngắn hạn", vì vậy một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với số liệu cuối kỳ:

	Mã số	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		bày lại	báo cáo kỳ trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	628.228.901.571	623.008.678.729
Nợ ngắn hạn	310	562.874.986.823	557.654.763.981
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.220.222.842	-
Vốn chủ sở hữu	400	489.153.191.986	494.373.414.828
Nguồn kinh phí và các quỹ	430	-	5.220.222.842
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	5.220.222.842



(Signature)
Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2010